

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGD-ST**

Ngày: **26/05/2022**

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN thị xã L, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Biện Việt Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông Võ Thanh Đức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L:** Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết S – sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Khu phố 09, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H – sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Khu phố 11, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau năm 2017 nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không chăm lo gì đến cuộc sống gia đình. Ông H có sử dụng chất kích thích, mỗi lần sử dụng là ông không kiềm chế được bản thân nên dùng những lời lẽ thô tục, chửi mắng, xúc phạm bà S. Dù cố gắng hòa giải để sống chung với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng rạn nứt. Hiện nay bà S và ông H không còn sống chung với nhau. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Tuyết Nhi (Giới tính nữ), sinh năm: 2018. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng: Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho việc ra quyết định, bản án đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn và yêu cầu về nuôi con chung của bà S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H cư trú tại khu phố 11, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo điểm a khoản 01 Điều 35; khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bà S, trước khi mở phiên tòa bà S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc xin vắng mặt là ý chí, nguyện vọng của nguyên đơn, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định điểm a khoản 02 Điều 227; khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông H nhiều lần đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không hợp tác, không đến Tòa án. Như vậy, ông H đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 29/03/2021. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà S trình bày ông bà không hợp nhau, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không chăm lo gì đến cuộc sống gia đình. Ông H có sử dụng chất kích thích, mỗi lần sử dụng là ông không kiểm chế được bản thân nên dùng những lời lẽ thô tục, chửi mắng, xúc phạm bà S. Ông H không có ý kiến trình bày gì phản đối lại ý kiến của bà S. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà S và ông H là có thật. Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của bà S, ông H không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng nhau nên hạnh phúc gia đình ngày càng rạn nứt.

Quá trình giải quyết vụ án ông H nhiều lần đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng ông H không hợp tác, không đến Tòa án cũng như không có ý kiến trình bày hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn của ông H và bà S đã làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là hoàn toàn chính đáng nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Tuyết Nhi (Giới tính nữ), sinh năm: 2018. Vì ông H không có bản tự khai và không tham gia phiên hòa giải thể hiện ông H không có thiện chí thỏa thuận về nuôi con chung. Mặt khác, từ trước đến nay cháu Nhi sống cùng bà S và do bà S chăm sóc ổn định. Để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Nhi nên để bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và phù hợp với nguyện vọng của bà S. Về cấp dưỡng nuôi con, bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con vì bà cho rằng bà đủ điều kiện nuôi con. Nhận thấy yêu cầu của bà S là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 05 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Điều 147, Điểm a, b khoản 02 Điều 227; Khoản 01, 03 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 05 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng Tuyết Nhi (Giới tính nữ), sinh năm: 2018 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004730 ngày 23/12/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thu. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự thì hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THA dân sự thị xã L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn: UBND phường B, thị xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Biện Việt Hùng**